

3. Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện. Hội đồng quản trị phải thực hiện việc phân cấp, ủy quyền cho các chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện nhiệm vụ bằng quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

Điều 10. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định Điều 27 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty về các vấn đề: quản lý tài chính; chi tiêu nội bộ; tuyển dụng, đào tạo, quản lý lao động; chi trả trả lương; kiểm soát nội bộ và các vấn đề khác để phục vụ cho công tác quản lý Công ty.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Giám đốc, Ủy ban kiểm toán hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

6. Thẩm quyền quyết định các giao dịch của Công ty:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 12. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.

d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ và có thể thành lập các tiểu ban

trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có tối thiểu 02(Hai) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Việc thành lập các Ủy ban và Tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Ban Trợ lý

1. Để hỗ trợ cho việc quản lý và điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Ban Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ sau:

a. Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai, thực hiện các công việc/dự án liên quan đến hoạt động chung của Công ty.

b. Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để giám sát, đôn đốc việc lập và triển khai kế hoạch, các chương trình hành động của Hội đồng quản trị.

c. Tổ chức các hoạt động: sắp xếp các cuộc họp, tham dự buổi họp cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo dõi và đôn đốc các công việc theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d. Sắp xếp, tổ chức lịch làm việc, lịch họp, lịch công tác cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
e. Tham dự, ghi nhận và tổng hợp nội dung, đánh giá các cuộc họp để phục vụ việc quản lý điều hành.

f. Các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị yêu cầu.

3. Ban trợ lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI: ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 20. Thành phần của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm;

2. Các thành viên Ủy ban kiểm toán phải có ít nhất 1 người là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc không điều hành làm Chủ tịch Ủy ban.

3. Thành viên thuộc Ủy ban kiểm toán có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Chủ tịch Ủy ban phải phân công công việc cho các thành viên dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hành động của Ủy ban.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ủy ban kiểm toán

a. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có tiêu chuẩn và đáp ứng điều kiện sau:

Có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

b. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có các quyền sau:

- a) Tiếp cận và thu thập thông tin thuộc thẩm quyền của HĐQT, Giám đốc và người quản lý Công ty có liên quan. Giám đốc có trách nhiệm thu xếp để cung cấp các tài liệu và thông tin khi Ủy ban kiểm toán yêu cầu.
- b) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc và những người quản lý Công ty về việc xây dựng kế hoạch, chiến lược, kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty nhưng không có quyền biểu quyết;
- c) Yêu cầu cung cấp các nguồn lực cần thiết tương ứng để thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm của Ủy ban kiểm toán đã được HĐQT phê duyệt và các cuộc kiểm toán bất thường theo yêu cầu của HĐQT.
- d) Giám sát Giám đốc và người quản lý Công ty khác trong việc quản lý và điều hành Công ty. Được tiếp cận với các báo cáo thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng tháng của Giám đốc để phân tích tiến độ thực hiện và chất vấn các kết quả đạt được.
- e) Trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của Công ty, chỉ định bên thứ ba bên ngoài hoặc thuê tư vấn độc lập để điều tra về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT và Giám đốc, nhưng phải thông báo đến HĐQT và Ban Giám đốc về việc chỉ định bên thứ ba bên ngoài hoặc thuê tư vấn độc lập phải phù hợp với các điều kiện cụ thể của Công ty.
- f) Lựa chọn, đánh giá và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra trước các bản đề nghị cung cấp dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập để trình HĐQT xem xét, phê duyệt sử dụng các dịch vụ, đảm bảo sự toàn vẹn về tính độc lập, khách quan của Kiểm toán độc lập; Giám sát quá trình Công ty kiểm toán độc lập thực hiện nhiệm vụ hàng năm.
- g) Các quyền khác được cho phép bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

2. Ủy ban kiểm toán có các trách nhiệm sau:

a) Báo cáo tài chính:

- Xem xét báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Ban Giám đốc trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của các báo cáo tài chính với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành;
- Xem xét những vấn đề trọng yếu về kế toán và báo cáo tài chính; ảnh hưởng của các quy định pháp luật, nghề nghiệp đối với báo cáo tài chính của Công ty;
- Thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cùng với Giám đốc tài chính (nếu có), kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập;
- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập, có ý kiến với Ban Giám đốc đối với những phát hiện, khuyến nghị trọng yếu và kế hoạch thực hiện có liên quan.
- Theo dõi hệ thống kiểm toán nội bộ liên quan đến việc chuẩn bị số liệu, lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán.

b) Kiểm toán nội bộ: Ủy ban kiểm toán giám sát các vấn đề liên quan đến chức năng kiểm toán nội bộ, bao gồm

- Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
- Quy chế hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Phương pháp kiểm toán;
- Chất lượng, hiệu quả kiểm toán.

c) Kiểm toán độc lập:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Xem xét, giám sát tính độc lập, khách quan của Trưởng nhóm kiểm toán và các kiểm toán viên;
- Xem xét tính chất và phạm vi kiểm toán, phương pháp tiếp cận do Kiểm toán độc lập đề xuất, bao gồm sự phối hợp với Kiểm toán nội bộ (nếu có);
- Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Kiểm toán độc lập tiến hành thảo luận các vấn đề cần thiết.

d) Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro:

- Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro;
- Xem xét báo cáo kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, lưu ý phát hiện, khuyến nghị của kiểm toán và phản hồi từ Ban Giám đốc;
- Theo dõi tính hiệu quả của các hoạt động, biện pháp (hoặc chương trình) phòng chống gian lận, các vi phạm nội quy, Điều lệ công ty, đạo đức nghề nghiệp, hoặc vi phạm pháp luật;
- Thảo luận với Ban Giám đốc về biện pháp phòng chống gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp;
- Xem xét kết quả, báo cáo về điều tra các vi phạm, gian lận do Ban Giám đốc tiến hành; theo dõi, khắc phục sau điều tra.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của công ty.

Điều 22. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán

được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 23. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 24. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc (nếu có) và Kế toán trưởng.

2. Giám đốc và Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:

- a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 (hai) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp;
 - d. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.
4. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty; có quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán.
2. Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
3. Phó Giám đốc là người giúp việc của Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công, ủy quyền.
4. Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 26. Nguyên tắc phối hợp

1. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:
2. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

3. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
4. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
5. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về các công việc, nhiệm vụ được giao và định hướng thực hiện, triển khai trong thời gian tiếp theo cho Hội đồng quản trị.
3. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty.
4. Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có thể được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 28. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ủy ban kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ủy ban kiểm toán.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ủy ban kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ủy ban kiểm toán.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, mọi biên bản họp Ủy ban kiểm toán phải được gửi tới Hội đồng quản trị.
4. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

5. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ủy ban kiểm toán thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
6. Ủy ban kiểm toán đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ủy ban kiểm toán có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Chủ tịch Ủy ban kiểm toán hoặc các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán.
4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ủy ban kiểm toán cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 30. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc.
2. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các cán bộ quản lý khác.

Điều 31. Khen thưởng

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị. Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Chế độ khen thưởng:
 - a. Bằng tiền;
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể

Điều 32. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.
2. Thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải thực hiện trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các

giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 36 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.